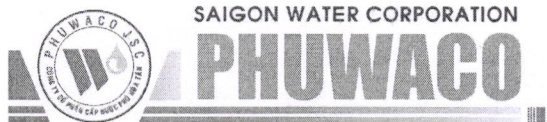


PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012)



Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 060/CBTT-PHT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Trụ sở chính: 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TpHCM

Điện thoại: (84-08) 38 558 410

Người thực hiện công bố thông tin: DƯƠNG VĂN HÒA – Giám đốc

Địa chỉ: 39/21 đường số 39, khu phố Bến Cát, Phường Phước Bình, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM

Điện thoại: (84-028) 38 558 410 **Fax:** (84-028) 39 555 282

Loại công bố thông tin: 24h; 72h; Yêu cầu; Bất thường; Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 16 năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó có một số nội dung sau:

1. Mức chia cổ tức năm 2022: 7,00% tương đương 700 đồng/cổ phiếu.
2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty – Theo như Dự thảo hợp đồng.

Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt hoặc Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 với đơn vị kiểm toán độc lập AASC.

3. Chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất – Theo như Dự thảo hợp đồng và bản thỏa thuận.

Đồng thời, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) khi điều khoản hợp đồng có sự điều chỉnh.

Giao cho Giám đốc ký kết các hợp đồng và bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu. VT, TTKY

Tài liệu đính kèm:

- BB + NQ hợp ĐHĐCĐ năm 2023;

Người thực hiện công bố thông tin
GIÁM ĐỐC



Dương Văn Hòa



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 058 /NQ-PHT-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các biên bản kiểm phiếu tại Đại hội ngày 20/4/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) và Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) năm 2022 với một số các chỉ tiêu chính:

1- Sản lượng nước tiêu thụ:	31.740.000 m ³
2- Tổng doanh thu:	377.950 triệu đồng
3- Tổng lợi nhuận trước thuế:	14.938 triệu đồng
4- Tổng lợi nhuận sau thuế:	11.793 triệu đồng

Điều 2. Thông qua chia cổ tức và phân phối lợi nhuận 2022:

A. Mức chia cổ tức:	7,0% = 700 đồng/cổ phiếu
B. Tổng lợi nhuận sau thuế:	16.983.331.359 đ
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước:	5.190.221.827 đ
- Lợi nhuận sau thuế năm nay:	11.793.109.532 đ
C. Lợi nhuận phân phối:	11.793.109.532 đ
- Chi cổ tức:	6.300.000.000 đ
- Trích lập các quỹ:	5.493.109.532 đ

Trong đó:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động:	5.104.309.532 đ
- Quỹ thưởng Người quản lý:	388.800.000 đ

D. Lợi nhuận chưa phân phối:	5.190.221.827 đ
------------------------------	-----------------

Điều 3. Thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2023 với các chỉ tiêu chính:

1- Sản lượng nước tiêu thụ:	32.700.000 m ³
2- Tổng doanh thu:	389.052 triệu đồng
3- Tổng lợi nhuận sau thuế:	11.825 triệu đồng
4- Tỷ suất LNST trên vốn CSH	9,89%
5- Mức cổ tức:	7,0% = 700 đồng/cổ phiếu

Điều 4. Thông qua Báo cáo số 051/BC-PHT-HĐQT ngày 28/3/2022 về hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2022 – Phụ lục 1.

Điều 5. Thông qua Báo cáo số 09-2023/BC-PHT-BKS ngày 28/3/2023 về hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty – Phụ lục 2.

Điều 6.

1. Thống nhất danh sách 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm: (1) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt; (2) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, (3) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Phú Hòa Tân (đính kèm dự thảo Hợp đồng);
3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn (AASC).

Điều 7. Thống nhất Tờ trình số 052/TTr-PHT-HĐQT ngày 28/3/2023 về tổng tiền lương kế hoạch năm 2023 của người quản lý chuyên trách là 2.592 triệu đồng; Tổng thù lao người quản lý không chuyên trách là 420 triệu đồng. Các khoản chi phí khác cho hoạt động của HĐQT, BKS được hạch toán theo thực tế với mức tối đa là 250 triệu đồng/năm. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính thực tế của Công ty sẽ quyết toán quỹ lương, thù lao thực hiện theo quy định – Phụ lục 3.

Điều 8.

1. Chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận năm 2023 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất theo Tờ trình số 054/TTr-PHT-HĐQT ngày 28/3/2023 (đính kèm dự thảo Hợp đồng và bản thỏa thuận).
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh và giao cho Giám đốc ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

Điều 9. Giao cho HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ khi được ĐHCĐ thông qua, ngày 20/4/2023./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Phòng, Ban, Đội;
- Lưu. *N*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT
Lam
Lê Thị Thanh Tâm

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2023

Số: 059 /BB-PHT-ĐHĐCĐ

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 Ngày 20/4/2023

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

Hôm nay vào lúc 9 giờ 00', ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân, số 86 Tân Hưng, Phường 12 – Quận 5, TP.Hồ Chí Minh, tiến hành kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 16 – năm 2023.

I. NGHI THỨC ĐẠI HỘI:

1. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 9.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt lúc 9h00' là: 15 người, đại diện cho 7.374.210 cổ phần, chiếm tỷ lệ **81,94%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

2. Bầu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký & Ban kiểm tra tư cách cổ đông; thông qua Chương trình; Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký và Ban thẩm tra tư cách cổ đông đồng thời là Ban kiểm phiếu với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng ý, gồm các thành viên như sau:

• Đoàn chủ tịch gồm:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Dương Văn Hòa - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
3. Ông Võ Tấn Bảo Quang - Thành viên HĐQT

• Đoàn thư ký gồm:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
2. Bà Cao Thị Mỹ Hương

• **Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đồng thời là Ban kiểm phiếu gồm:**

1. Ông Trần Công Lễ - PGĐKD – Trưởng Ban
2. Bà Trần Thị Thanh Nga - Thành viên
3. Ông Nguyễn Thành Tính - Thành viên

Đoàn thư ký công bố Chương trình, Thể lệ làm việc và biểu quyết của Đại hội, cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%.

II. NỘI DUNG CHÍNH ĐẠI HỘI:

1. Đoàn chủ tịch lần lượt trình bày trước đại hội các nội dung chủ yếu gồm:

- 1.1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và Kế hoạch SXKD năm 2023;
- 1.2. Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2023;
- 1.3. Phân phối lợi nhuận năm 2022: mức chia cổ tức và trích lập các quỹ;
- 1.4. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022;
- 1.5. Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm tra hoạt động SXKD năm 2022;
- 1.6. Báo cáo tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2022 và trình ĐHĐCĐ duyệt Kế hoạch lương, thù lao Người quản lý năm 2023;
- 1.7. Trình ĐHĐCĐ chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 – Đính kèm Dự thảo hợp đồng;
- 1.8. Trình ĐHĐCĐ chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh – Đính kèm Dự thảo hợp đồng;

2. Phần ý kiến cổ đông tại Đại hội:

Không có ý kiến.

3. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình Đại hội:

- 3.1. Tính đến thời điểm biểu quyết thông qua các nội dung đã thảo luận, lúc 10 giờ 00, tổng số cổ phần cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền là 7.386.210 cổ phần, chiếm tỷ lệ 82,07% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó, số cổ phần của cổ đông không có lợi ích liên quan đến Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn là 972.410 cổ phần.
- 3.2. Các nội dung biểu quyết:

Nội dung biểu quyết	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết không hợp lệ	Số phiếu tán thành	Tỷ lệ tán thành %	Số phiếu không tán thành	Số phiếu không có ý kiến
1. Thống nhất Kế hoạch SXKD năm 2023 số 233/BC-PHT-KHĐT ngày 20/02/2023	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00
2. Thống nhất Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00
3. Thống nhất Kế hoạch tài chính năm 2023 số 363/KTTC-PHT ngày 06/3/2023	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00
4. Thống nhất phân phối lợi nhuận năm 2022 theo văn bản số 362/KTTC-PHT ngày 06/3/2023	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00
5. Thống nhất Báo cáo số 051/BC-PHT-HĐQT ngày 28/3/2023 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00
6. Thống nhất Báo cáo số 10/BC-PHT-BKS ngày 10/3/2023 của Ban Kiểm soát về thẩm tra hoạt động SXKD năm 2022	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00
7. Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù Người quản lý công ty năm 2023 theo Tờ trình số 052/TTr-PHT-HĐQT ngày 28/3/2023	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00
8. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 theo Tờ trình số 053/TTr-PHT-HĐQT ngày 28/3/2023	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00
9. Chấp thuận Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (đính kèm Dự thảo hợp đồng) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất – theo như Tờ trình số 054/TTr-PHT-HĐQT ngày 28/3/2023	972.410	00	972.410	100	00	00

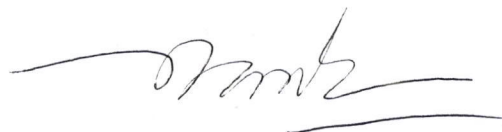
Nội dung biểu quyết	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hợp lệ	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết không hợp lệ	Số phiếu tán thành	Tỷ lệ tán thành %	Số phiếu không tán thành	Số phiếu không có ý kiến
10. Thống nhất thông qua Nghị quyết Đại hội gồm các vấn đề nêu trên	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00
11. Thống nhất thông qua Biên bản Đại hội	7.386.210	00	7.386.210	100	00	00

Ghi chú: Mục 9 về cổ đông có lợi ích liên quan không tham gia biểu quyết gồm:

- 05 thành viên đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 6.335.200 cổ phiếu
- 03 thành viên Ban điều hành của Công ty đại diện cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 78.600 cổ phiếu

Biên bản được lập vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 20 tháng 4 năm 2023./.

TM. ĐOÀN THƯ KÝ



Nguyễn Thị Hồng Nhung



Lê Thị Thanh Tâm

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động SXKD 2022 - Kế hoạch SXKD năm 2023

I. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD sản xuất kinh doanh năm 2022:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022:

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022		CHÊNH LỆCH SỐ VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2022
				KHỐI LƯỢNG	%	
A- KINH DOANH:						
1- Nước tiêu thụ	1.000m ³	31.867	33.000	31.740	96,18	- 1.260
2- Doanh thu tiền nước	tr đồng	338.431	376.465	369.380	98,12	- 7.085
3- Giá bán bình quân	đồng/m ³	10.620	11.408	11.638	102,02	+ 230
4- Thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ	cái	17.702	17.000	17.174	101,02	+ 174
5- Thay định kỳ ĐHN cỡ lớn	cái	23	44	46	104,55	+ 2
6- Gắn mới ĐHN	cái	90	50	157	314,00	+ 107
7- % thất thoát nước bình quân	%	14,30	14,00	13,06		- 0,94
B- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:						
2- Thay mới ống mục	mét	1.545	5.905	5.125	86,79	- 780

2. Đánh giá kết quả thực hiện:

a) Về kinh doanh nước sạch:

Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 kéo dài, phức tạp trên cả nước, quý I/2022 dịch bùng phát mạnh tại Hà Nội, Tp.HCM vừa trải qua đợt thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg đình điem nên ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty, làm giảm lượng tiêu thụ nước của khách hàng, ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận Công ty.

Với tinh thần phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2022 của toàn thể cán bộ nhân công viên, Công ty đã đạt kết quả nhất định, cụ thể là:

- Lượng nước tiêu thụ của Công ty năm 2022 đạt 96,18% kế hoạch, thấp hơn 1,26 triệu m³ so với kế hoạch, giảm 127.000 m³ so với lượng nước tiêu thụ năm 2021.
- Doanh thu tiền nước của Công ty năm 2022 đạt 98,12% kế hoạch, thấp hơn 7,085 tỷ đồng so với kế hoạch, cao hơn gần 31 tỷ đồng doanh thu tiền nước năm 2021.
- Giá bán bình quân tiền nước năm 2022 đạt 102,02% kế hoạch, cao hơn 230 đồng/m³ so với kế hoạch, cao hơn 1.018 đồng/m³ so với giá bán bình quân năm 2021.
- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch được giữ vững 100% trên địa bàn, với tổng số 90.285 khách hàng cuối năm 2022 cao hơn 121 khách hàng cuối năm 2021.
- Công tác thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ đạt 101,02% kế hoạch, thay định kỳ ĐHN cỡ lớn đạt 104,55% so với kế hoạch 2022.
- Năm 2022, Công ty đã thực hiện nhiều nghiệp vụ kinh doanh như:
 - + Yêu cầu 1.705 khách hàng làm mất ĐHN, làm bể kính ĐHN hoặc làm đứt chì ĐHN đóng tiền thay ĐHN mới.
 - + Bấm chì khóa góc 1.854 ĐHN khách hàng sau khi thực hiện các dự án cải tạo ống mục, gắn mới, nâng dời, đổi cỡ ĐHN...
 - + Nâng dời 971 ĐHN do khách hàng xây sửa nhà hoặc ở vị trí khuất lấp.
 - + Thương lượng giảm cỡ 39 ĐHN khách hàng có lượng nước tiêu thụ thấp hơn cỡ ĐHN đang sử dụng, giúp cho lượng nước tiêu thụ được đo đếm chính xác và tiết giảm chi phí thay ĐHN cỡ lớn.
 - + Tăng cường kiểm tra các trường hợp định mức lưu trú, tạm trú đã hết hạn, các trường hợp có định mức cao. Thực hiện chương trình kiểm tra định mức nước các khu chung cư, hộ tập thể, tính tỷ lệ giá biểu ĐHN có kinh doanh dịch vụ.
 - + Mở nước cho 14 khách hàng nợ tiền nước đã thanh toán hơn 78 triệu đồng, xin sử dụng lại.
 - + Gắn mới 157 ĐHN cho khách hàng có nhu cầu sử dụng nước.
 - + Thay định kỳ 17.220 ĐHN hết niên hạn sử dụng.
 - + Truy thu sử dụng nước 40 trường hợp với số lượng 19.665 m³ nước, số tiền gần 411 triệu đồng.
 - + Truy thu giá biểu, định mức 218 trường hợp với số tiền truy thu hơn 1,63 tỷ đồng.
 - + Truy thu nhà thầu thi công công trình hạ tầng làm bể ống cấp nước 28 trường hợp, bồi thường 146 m³ nước.

b) Hoạt động chăm sóc khách hàng:

- Đưa vào vận hành các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động SXKD tại đơn vị, nâng cao hình thức nộp hồ sơ, trả kết quả giải quyết trực tuyến, đảm bảo thuận tiện để khách hàng dễ thao tác với các dịch vụ.
- Cổng thông tin điện tử hành chính công <http://phuwaco.com.vn> được nâng cấp nhằm phục vụ công tác truyền thông cũng như chăm sóc khách hàng của công ty và có thể đạt cấp độ 3+ về dịch vụ công trực tuyến.

- Đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, Công ty tăng cường mở rộng các dịch vụ thanh toán tiền nước trực tuyến, giảm thu tiền tại nhà, đẩy mạnh thanh toán hóa đơn tiền nước qua các tổ chức thanh toán trung gian và thanh toán trực tuyến, các ứng dụng ví điện tử, các đơn vị thu hộ.
- Đưa vào sử dụng hệ thống tin nhắn ZNS Zalo, tin nhắn broadcast Zalo, gửi thông báo cước hàng tháng, thông báo khu vực tạm ngưng cung cấp nước và các thông báo khác của Công ty đến khách hàng, trang Zalo của Công ty hiện nay đạt khoảng 25.000 lượt quan tâm và tăng theo hàng tháng.
- Thực hiện Hợp đồng điện tử, thay đổi phương thức ký kết truyền thống, xây dựng doanh nghiệp không giấy tờ, doanh nghiệp chuyển đổi số. Sử dụng eKYC (Electronic Know Your Custome) để xác thực khách hàng điện tử, cho phép định danh khách hàng 100% online dựa vào các thông tin sinh trắc học (biometrics), nhận diện khách hàng bằng trí tuệ nhân tạo.
- Nâng cấp, ứng dụng ghi chỉ số nước bằng điện thoại thông minh, thao tác trên ứng dụng theo quy trình từng bước workflow đã được quy định sẵn, nhằm khắc phục các nhược điểm trong khâu đọc số tại nhà khách hàng, tạo thuận lợi khi giải quyết khiếu nại của khách hàng nhờ sự lưu giữ hình ảnh, tình trạng hoạt động của đồng hồ nước cũng như chỉ số đã cập nhật.
- Nâng cấp hệ thống văn phòng điện tử và ký số văn bản điện tử trên nhiều nền tảng Website, ứng dụng trên thiết bị di động thông minh.
- Hoàn thiện ứng dụng Cập nhật hoàn công điểm bể trên smartphone đầy đủ chi tiết: vị trí điểm bể, vật tư sử dụng, kích thước phui đào và kết cấu điểm bể ngoài hiện trường, chụp hình kết quả xử lý điểm bể. Bộ phận văn phòng sẽ kiểm tra tính chính xác của công tác cập nhật và xác định vị trí không gian trên GIS để tiến hành truy xuất dữ liệu đáp ứng công tác báo cáo và thanh quyết toán hồ sơ.
- Đưa vào sử dụng ứng dụng hoàn công bấm chỉ trên smartphone nhằm hướng đến việc cập nhật xử lý công việc trực tuyến ngoài hiện trường, nâng cao năng lực trong công tác.
- Thành lập Phòng Dịch vụ Khách hàng, xây dựng và đưa vào sử dụng tổng đài điện thoại 19001019 và phần mềm call center nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
- Thực hiện cấp định mức nước cho khách hàng bằng số định danh và căn cước công dân. Nâng cấp phần mềm quản lý cấp định mức nước để phù hợp với luật cư trú mới.

3. Kết quả đầu tư xây dựng năm 2022:

Công ty thực hiện 86,79% khối lượng công trình xây dựng cơ bản, hoàn thành 100% chỉ tiêu thi đua của Tổng Công ty giao về giá trị khối lượng và giá trị giải ngân năm 2022.

4. Kết quả thực hiện kế hoạch giảm nước thất thoát năm 2022:

- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2022 đạt 13,06%, giảm 0,94% so với kế hoạch năm 2022 (14%), giảm 1,24% so thực hiện với năm 2021 (14,3%).
- Năm 2022, Công ty đã thực hiện nhiều công tác giảm thất thoát nước như:
 - + Vệ sinh 8 van giảm áp, sửa chữa kiểm định 17 đồng hồ ABB, thay pin cho 14 thiết bị mạng, gắn 60 pilot song song.

- + Ưu tiên thực hiện công tác đóng van bước vào ban đêm đối với những DMA có tỷ lệ thất thoát cao để khoanh vùng tìm ra khu vực có rò rỉ cao nhằm đảm bảo phát hiện thất thoát nhanh, tiết kiệm thời gian và nhân công dò bể.
- + Duy trì công tác giám sát các đơn vị ngầm hóa lưới điện, viễn thông, nâng cấp đường, hẻm để kịp thời sửa chữa khi có bể xảy ra. Ngoài ra Công ty còn khuyến khích nhân viên và người dân thông báo đến công ty khi phát hiện điểm bể.
- + Năm 2022, số điểm bể sửa được 1.950 điểm trong đó có 1.127 điểm bể nổi (chiếm tỷ lệ 57,79%) và 823 điểm bể ngầm (chiếm tỷ lệ 42,21%), tăng 357 điểm bể sửa được so với năm 2021.
- + Trong năm 2022, Công ty đã phát hiện và sửa chữa kịp thời các điểm bể lớn trên ống phân phối, góp phần làm giảm tỷ lệ thất thoát nước như :
 - ✓ Trước nhà 451/19 Tô Hiến Thành, P14, Q10: giảm thất thoát nước 250 m³/ngày.
 - ✓ Trước nhà 571 Cách Mạng Tháng 8, P15, Q10: giảm thất thoát nước 200 m³/ngày.
 - ✓ Trước nhà 361 Lý Thái Tổ, P9, Q10: giảm thất thoát nước 180 m³/ngày
 - ...
- + Tiến hành súc xả lưới lọc các ĐHN cỡ lớn, đảm bảo đồng hồ chạy ổn định và đủ nước cho nhu cầu sử dụng của khách hàng.
- + Hoàn thành cập nhật dữ liệu GIS các tuyến đường do đơn vị hạ tầng quản lý.

5. Một số sáng kiến, giải pháp năm 2022:

Các sáng kiến, giải pháp cải tiến nâng cao năng suất lao động và chất lượng công việc mà Công ty quan tâm khuyến khích trong năm là:

STT	Tên đề tài	Giải pháp / Sáng kiến	Đề nghị giấy khen
1	Tối ưu hóa hồ sơ giải quyết quyền lợi bảo hiểm sức khỏe, rủi ro cho người lao động	Giải pháp	cấp Công ty
2	Hợp lý hóa các mẫu biểu điều chỉnh biến động định mức – giá biểu – sang tên đồng hồ nước	Giải pháp	cấp Công ty
3	Nâng cấp ứng dụng chăm sóc khách hàng trên Smartphone	Giải pháp	cấp Công ty
4	Phần mềm chức năng Tổ xe và chấm công	Giải pháp	cấp Công ty
5	Cổng thông tin dịch vụ trực tuyến	Giải pháp	cấp Công ty
6	Công cụ hỗ trợ cho công tác dò tìm rò rỉ	Sáng kiến	cấp Tổng Công ty
7	Nâng cấp bộ mạch tự động áp dụng cảm biến áp lực	Sáng kiến	cấp Tổng Công ty

II. Kế hoạch SXKD năm 2023:

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2022, xét khả năng phân đầu của Công ty trong năm 2023, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022		KẾ HOẠCH 2023
			KHỐI LƯỢNG	% SO VỚI KẾ HOẠCH	
A- KINH DOANH:					
1- Nước tiêu thụ	1.000m ³	33.000	31.740	96,18	32.700
2- Thu tiền nước	tr đồng	376.465	369.380	98,12	384.029
3- Giá bán bình quân	đồng/m ³	11.408	11.638	102,02	11.744
4- Thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ	cái	17.000	17.174	101,02	17.900
5- Thay định kỳ ĐHN cỡ lớn	cái	44	46	104,55	17
6- Gắn mới ĐHN	cái	50	157	314,00	70
7- % thất thoát nước bình quân	%	14,00	13,06		13,70
B- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:					
1- Thay mới ống mục	mét	5.905	5.125	86,79	10.745

III. Biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2023:

1. Về kinh doanh nước sạch:

- Tập trung phân đầu tăng lượng nước tiêu thụ năm 2023 thêm 1 triệu m³ thông qua nhiều biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tuyên truyền tác hại của việc sử dụng nước giếng, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng ...
- Tiếp tục hoàn thiện rút gọn các quy trình thủ tục, cải cách hành chính trong việc phục vụ khách hàng. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận hồ sơ yêu cầu, khiếu nại trực tuyến, tương tác trực tuyến với khách hàng ...
- Xây dựng lộ trình kiểm tra định mức, giá biểu, nâng cao giá bán bình quân.
- Triển khai việc cập nhật mã định danh của khách hàng vào cơ sở dữ liệu theo lộ trình thực hiện trong năm 2023.
- Thực hiện các thông báo gửi khách hàng trong năm 2023 như: Thông báo thay đổi lộ trình đọc số, Thông báo thay đổi giá nước mới, Thông báo tiếp nhận mã định danh để cập nhật vào cơ sở dữ liệu ...
- Tiếp tục rà soát, kiểm tra tiêu thụ thực tế và thỏa thuận với khách hàng về việc nâng, hạ cỡ ĐHN cho phù hợp với thực tế.
- Tăng cường công tác kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý kịp thời và triệt để các trường hợp gian lận trong sử dụng nước, tiêu thụ bất thường, sai giá biểu, sai định mức ...
- Kiểm tra, tiến hành bám chỉ các trường hợp ĐHN có chỉ bị mục, đứt ...
- Thường xuyên kiểm tra và tiến hành thay khẩn các đồng hồ nước hoạt động bất thường, kính mờ, lấp, ngưng..., không đọc được chỉ số (ưu tiên các ĐHN cỡ lớn).

- Kiểm tra và cho nâng, dời, cải tạo ống nhánh ... đối với những ĐHN bị lắp, vị trí sai quy định, ống nhánh không đúng kỹ thuật.
- Tiếp tục kiểm tra tiêu thụ bất thường những đồng hồ nước có tiêu thụ từ 0-4m³.
- Tiếp tục kiểm tra hạ cỡ các đồng hồ cỡ lớn để phù hợp với tiêu thụ thực tế.
- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm sóc khách hàng của Công ty.
- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

2. Về giảm nước thất thoát thất thu:

- Ưu tiên tập trung lực lượng dò bể những DMA đang có lượng nước thất thoát từ 140m³/ngày. Ưu tiên các tuyến đường, hẻm đang tồn tại các đoạn ống cũ, có lịch sử xuất hiện điểm bể thường xuyên.
- Phân công các nhóm tăng cường công tác đóng van bước, thay phiên dò bể ban đêm và kiểm tra lại vào ban ngày tại các khu vực của DMA đang có lượng nước thất thoát cao để nhanh chóng xác định những điểm bể lớn.
- Triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản theo kế hoạch đề ra năm 2023.
- Phối hợp với Phường, Quận để triển khai công tác sửa chữa giảm thất thoát nước đồng bộ với các công trình thi công nâng cấp hẻm.
- Phối hợp thường xuyên với Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch và các đơn vị liên quan theo dõi sản lượng đồng hồ tổng mua bán sỉ nước sạch, kiểm tra hệ thống ống cấp 2 sau đồng hồ tổng mua bán sỉ nước sạch khi có sự cố.
- Kiểm tra, khắc phục các đồng hồ tổng DMA chạy bất thường, tránh ảnh hưởng đến sản lượng đo đếm và lượng nước thất thoát trong DMA.
- Tiến hành thay các đồng hồ nước hoạt động bất thường, kính mờ, lắp, ngưng, không đọc được chỉ số ...
- Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các đồng hồ tổng, thiết bị van giảm áp PRV trên mạng lưới nhằm đáp ứng kịp thời công tác giảm thất thoát nước tại Công ty.
- Nhanh chóng giải quyết các đồng hồ DMA, logger bị hư hỏng, tránh ảnh hưởng đến công tác theo dõi sản lượng, áp lực của Công ty.
- Tiếp tục xây dựng, cập nhật thường xuyên phần mềm PhuwaGIS trong công tác quản lý mạng lưới, quản lý tài sản, cập nhật thông tin về sự cố trên mạng lưới cấp nước, phân loại, xác định nguyên nhân bể, vật liệu ống, năm lắp đặt ... từ đó phân tích, có kế hoạch sửa chữa, cải tạo ống cũ mục kịp thời, có chọn lọc.
- Tiếp nhận thông tin phản ánh của khách hàng, xử lý, giải quyết trong thời gian nhanh nhất. Công ty sẽ thông báo đến khách hàng nhanh chóng và kịp thời về trường hợp cúp nước (qua Website, Zalo...) để khách hàng chủ động dự trữ nước sử dụng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- P.KHĐT TCT;
- Lưu HC, KHĐT.



GIÁM ĐỐC

Dương Văn Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	01/01/2022	31/12/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	87.175.426.699	119.802.632.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	22.183.645.877	35.325.111.313
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	39.626.377.200	61.661.243.700
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	12.774.701.647	6.773.229.176
IV. Hàng tồn kho	140	11.218.710.165	14.893.811.665
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	1.371.991.810	1.149.236.663
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	83.982.807.135	77.425.874.517
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
II. Tài sản cố định	220	66.454.042.905	67.619.960.799
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	2.933.948.955	821.312.914
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	14.594.815.275	8.984.600.804
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	171.158.233.834	197.228.507.034
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	37.239.883.208	60.547.557.964
I. Nợ ngắn hạn	310	37.239.883.208	60.547.557.964
II. Nợ dài hạn	330		
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	133.918.350.626	136.680.949.070
I. Vốn chủ sở hữu	410	133.918.350.626	136.680.949.070
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	171.158.233.834	197.228.507.034

Số liệu đầu năm đã được điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước tại thông báo số 1706/TB-KV IV ngày 30/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc



Dương Văn Hòa



Số : 580/PHT-KTTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

TPHCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2021	NĂM 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	335.073.990.741	374.046.603.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	335.073.990.741	374.046.603.153
4. Giá vốn hàng bán	11	218.373.306.034	233.934.241.767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	116.700.684.707	140.112.361.386
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.714.693.851	2.820.200.491
7. Chi phí tài chính	22	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	61.738.515.014	77.979.009.161
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	44.065.357.128	51.080.166.691
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	12.611.506.416	13.873.386.025
11. Thu nhập khác	31	7.549.252.095	1.083.261.851
12. Chi phí khác	32	1.138.083.558	19.000.000
13. Lợi nhuận khác	40	6.411.168.537	1.064.261.851
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	19.022.674.953	14.937.647.876
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.095.711.702	3.144.538.344
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	14.926.963.251	11.793.109.532
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.659	1.310

Số liệu năm 2021 đã được điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước tại thông báo số 1706/TB-KV IV ngày 30/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc ✓



Dương Văn Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2022

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2021	NĂM 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.022.674.953	14.937.647.876
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	19.251.655.950	19.782.772.708
- Các khoản dự phòng	03	1.129.171.123	293.583.470
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.714.693.851)	(2.869.291.400)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37.688.808.175	32.144.712.654
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.940.894.350)	6.524.800.716
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.260.821.196)	(3.687.539.740)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN)	11	(24.403.387.942)	22.775.699.758
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	846.793.140	5.785.026.471
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.594.988.700)	(3.198.156.245)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	42.240.000	47.980.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.632.631.104)	(3.128.813.189)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.254.881.977)	57.263.710.425
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.432.027.228)	(18.836.054.561)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	49.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.731.559.176)	(35.124.794.455)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	13.089.927.955
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.667.897.404	2.063.670.163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.495.689.000)	(38.758.159.989)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.336.695.000)	(5.364.085.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.336.695.000)	(5.364.085.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(29.087.265.977)	13.141.465.436
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	51.270.911.854	22.183.645.877
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	22.183.645.877	35.325.111.313

Số liệu năm 2021 đã được điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước tại thông báo số 1706/TB-KV IV ngày 30/12/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc



Dương Văn Hòa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

Số : 582/PHT-KTTC

TPHCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2022

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	TỶ LỆ % KH/TH
			1	2	3=2/1
1	Sản lượng nước mua vào	m3	38.372.093	36.535.059	95,21
2	Sản lượng nước cung cấp	m3	33.000.000	31.740.408	96,18
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	379.595	377.950	99,57
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	13.200	14.938	113,16
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	10.484	11.793	112,48
6	Mức cổ tức (đ/CP)	đồng	650	700	107,69

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN



Giám Đốc

Dương Văn Hòa



Số : 583/PHT-KTTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---oOo---

TPHCM, ngày 29 tháng 03 năm 2022

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	TỶ LỆ % KH/TH
			1	2	3=2/1
1	Sản lượng nước mua vào	m3	36.535.059	37.891.078	103,71
2	Sản lượng nước cung cấp	m3	31.740.408	32.700.000	103,02
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	377.950	389.052	102,94
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	14.938	15.500	103,76
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	11.793	11.825	100,27
6	Tỷ suất LNST trên vốn CSH	%	9,87	9,89	100,20
7	Mức cổ tức (đ/CP)	đồng	700	700	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Giám Đốc



Dương Văn Hòa

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2022

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2021		THỰC HIỆN NĂM 2022	
		Số tiền (đ)	Tỷ lệ	Số tiền (đ)	Tỷ lệ
A	TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ :	14.926.963.251	100,00	16.983.331.359	100,00
I	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	-	-	5.190.221.827	30,56
II	Lợi nhuận sau thuế năm nay	14.926.963.251	100,00	11.793.109.532	69,44
B	LỢI NHUẬN PHÂN PHỐI:	9.736.741.424	65,23	11.793.109.532	69,44
I	Chia cổ tức :	5.400.000.000	55,46	6.300.000.000	53,42
1	Mức chia cổ tức (đồng/1 CP)	600		700	
II	Trích lập các quỹ :	4.336.741.424	44,54	5.493.109.532	46,58
1	Quỹ đầu tư phát triển	706.230.336	7,25	-	-
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.248.191.088	33,36	5.104.309.532	43,28
3	Quỹ thưởng người quản lý	382.320.000	3,93	388.800.000	3,30
C	LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI:	5.190.221.827	34,77	5.190.221.827	30,56

Thuyết minh :

I. Thực hiện năm 2021:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đã được điều chỉnh theo kết quả Kiểm toán Nhà nước tại thông báo số 1706/TB-KV IV ngày 30/12/2022.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 trước khi điều chỉnh theo kiến nghị KTNN là : 9.736.741.424 đồng và đã được phân phối 100% theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2021 sau khi điều chỉnh theo kiến nghị KTNN tăng thêm 5.190.221.827 đồng và được chuyển sang năm 2022.

II. Kế hoạch thực hiện năm 2022:

- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 là lợi nhuận chưa phân phối của năm 2021 còn lại để phục vụ cho kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại mục số II.3.3 thông báo số 1706/TB-KV IV ngày 30/12/2022 như sau: “ Rà soát phân bổ lại giá vốn kinh doanh nước sạch tương ứng với doanh thu tại thời điểm cổ phần hóa, xác định lợi nhuận tăng lên phải nộp NSNN khi chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN



GIÁM ĐỐC

Dương Văn Hòa

Quận 5, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Số: 051 /BC-PHT-HĐQT

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 & PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm. Bà Lê Thị Thanh Tâm, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, các thành viên: Ông Dương Văn Hòa kiêm Giám đốc, Ông Nguyễn Thanh Sử, Ông Vương Vũ, Ông Lê Hoàng Sơn và Ông Võ Tấn Bảo Quang.

Các thành viên HĐQT đã nỗ lực thực hiện tốt công tác quản trị điều hành, hoàn thành nhiệm vụ năm 2022 mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

HĐQT xin báo cáo Đại hội kết quả hoạt động quản trị, điều hành năm 2022 và cũng là năm đầu tiên của nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) như sau:

I/. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022:

Kết thúc năm 2022, các hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố từng bước phục hồi và trên đà phát triển do các biện pháp kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19. Tuy nhiên, do dịch bệnh kéo dài từ năm 2021 nên vẫn còn tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chỉ tiêu như sản lượng nước tiêu thụ và doanh thu không đạt kế hoạch đề ra (thấp hơn khoảng trên dưới 3% mỗi chỉ tiêu). Vì vậy, trong 6 tháng cuối năm 2022, HĐQT cùng Ban Điều hành tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp tăng sản lượng nước tiêu thụ, giảm thất thoát nước và tăng giá bán bình quân để đảm bảo lợi nhuận đã đề ra.

Với nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của tập thể CB-NLĐ, các công tác tập trung là giảm thất thoát nước và giá bán bình quân chuyển biến tích cực, đạt kết quả rất khả quan, làm đà phục hồi và phát triển cho các năm sau, cụ thể tỷ lệ giảm thất thoát nước giảm sâu 1,24% so với cùng kỳ năm 2021, lượng nước thất thoát hiện nay đạt 13,06% so với kế hoạch giảm 0,94%; giá bán bình quân vượt 2,02% so với kế hoạch và tăng 9,58% so với cùng kỳ năm 2021. Hai chỉ tiêu này đã góp phần chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế tăng 12,49% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua.

Từ những kết quả đạt được như trên, Công ty trình Đại hội đồng cổ đông trả cổ tức năm 2022 là 700 đồng/cổ phiếu đạt 107,69% kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

1. Lãnh đạo thực hiện các chỉ tiêu:

- Sản lượng nước cung cấp: đạt 96,18% so với kế hoạch, giảm 0,4% so với năm 2021.
- Doanh thu tiền nước: đạt 98,12 % so với kế hoạch, tăng 9,14% so với năm 2021.
- Tỷ lệ thất thoát nước 13,06% giảm 0,94% so với kế hoạch, giảm 1,24% so với năm 2021

- Tổng doanh thu: đạt 99,57 % so với kế hoạch, tăng 11,98% so với năm 2021.
- Lợi nhuận sau thuế: 11,793 tỷ đồng, đạt 112,49% so với kế hoạch, tăng 21,12% so với năm 2021.
- Tỷ lệ chia cổ tức: 700 đồng/cổ phiếu đạt 107,69% so với kế hoạch.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1 Cơ cấu và hoạt động của HĐQT: HĐQT có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm, trong đó:

- + 05 thành viên là đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- + 01 thành viên là đại diện vốn góp của Ngân hàng TMCP Đông Á.
- + Số thành viên HĐQT không điều hành: 4 người.

2.2 Giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành:

- HĐQT thường xuyên nhận được báo cáo và chỉ đạo việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và định hướng thực hiện kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Định hướng Ban giám đốc trong công tác quản lý điều hành cũng như phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy định pháp luật hiện hành. Từng quý, Giám đốc báo cáo kết quả công việc:

- + Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2022 đề ra.
- + Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.
- + Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Ban Điều hành đã chủ động xin ý kiến của HĐQT, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, triển khai thực hiện tích cực và đồng bộ các giải pháp mang lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình sản xuất gặp không ít khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19 kéo dài từ năm 2020 đến những tháng đầu năm 2022. Đồng thời, tranh thủ được sự hỗ trợ thiết thực từ phía Tổng Công ty nên các chỉ tiêu tài chính hoàn thành vượt so với kế hoạch đề ra, đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức cho cổ đông.
- Chỉ đạo và giám sát việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 trong đó có bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ IV và Ban điều hành theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT đánh giá Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.3 Các phiên họp và việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT:

Hoạt động của HĐQT trong năm 2022 đảm bảo tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đã ban hành và các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị.

Trong năm 2022, HĐQT đã điều hành hoạt động của Công ty thông qua 04 phiên họp HĐQT và 04 hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để ban hành 20 Nghị quyết, Quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các

Nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.

Các phiên họp và hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và có sự giám sát của Ban Kiểm soát Công ty. Tất cả các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết đều nhận được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.

Nội dung chủ yếu của các phiên họp và các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết HĐQT gồm:

- Báo cáo SXKD, tài chính thực hiện hàng quý, 6 tháng, năm; Các chỉ tiêu kế hoạch.
- Các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- Các nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Các nội dung liên quan đến lương, thưởng, phúc lợi người lao động.
- Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành khác.

2.4 Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT năm 2022:

Chế độ tiền lương, thù lao HĐQT được thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH về thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước. Các khoản thù lao, tiền thưởng, phúc lợi khác được thực hiện theo quy định của Công ty (và được báo cáo chi tiết tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán).

II/. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023:

Nhờ các biện pháp kiểm soát hiệu quả nên dịch bệnh Covid-19 đã từng bước giảm thiểu ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của đơn vị, đó cũng là tín hiệu khả quan và thuận lợi hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023.

Vì vậy, HĐQT đề ra các mục tiêu sau:

- Phối hợp chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tập trung chỉ đạo hoàn thiện cơ cấu tổ chức, hoạt động có hiệu quả, tiết kiệm nhân lực, tăng năng suất lao động.
- Lãnh đạo xây dựng lộ trình giảm thất thoát nước thông minh và xác định được tỷ lệ giảm thất thoát nước kinh tế đảm bảo vốn đầu tư hợp lý.
- Lãnh đạo triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2021 – 2025.
- Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Trên cơ sở định hướng phát triển Công ty và mục tiêu trên, HĐQT Công ty đã đề ra 03 công tác trọng tâm của năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tăng cường quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước và nâng cao chất lượng nước:

Thực hiện đầu tư đạt hiệu quả cao nhất cho công tác giảm thất thoát nước.

Tối ưu hóa các thiết bị thông minh trên mạng lưới cấp nước. Đảm bảo áp lực nước, chất lượng nước cung cấp ổn định và liên tục trên toàn hệ thống góp phần tăng sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu.

2. Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước:

Hoàn thành công tác phủ kín mạng lưới cấp nước, bảo đảm mọi khách hàng có nhu cầu gần ĐHN đều được đáp ứng. Đồng thời, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và giữ vững mục tiêu cấp nước liên tục, an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của cộng đồng.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động:

Tích cực phát huy tối đa tính sáng tạo của từng cán bộ, người lao động, áp dụng kỹ thuật công nghệ thông qua việc đầu tư, triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2021 – 2025.

Tập trung chỉ đạo, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch SXKD. Đồng thời, hỗ trợ Ban Điều hành Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để quyết định và xử lý kịp thời những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

HĐQT Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và gắn bó của Quý cổ đông, góp phần vào sự phát triển ổn định, lâu dài của Công ty.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, BKS, BGD;
- Cổ đông;
- Lưu: TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thanh Tâm

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2023

Số: 10/BC-PHT-BKS

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 25 tháng 5 năm 2019;
- Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ về tổ chức hoạt động CTCPCN Phú Hòa Tân;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát CTCPCN Phú Hòa Tân nhiệm kỳ 2022 – 2026;

Ban Kiểm soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) tình hình hoạt động của BKS, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp Nước Phú Hòa Tân năm 2022, định hướng hoạt động năm 2023 như sau:

1. Tình hình và kết quả hoạt động Ban Kiểm soát

1.1 Về nhân sự trong năm 2022, BKS có 03 thành viên, trong đó 01 thành viên chuyên trách, trong năm, BKS đã tổ chức các phiên họp và thực hiện các nhiệm vụ: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HDQT).

- Giám sát Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Điều hành (BDH) và cán bộ quản lý khác trong hoạt động quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng kết hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên. Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty năm 2022.

- Xem xét các tờ trình về xây dựng kế hoạch tài chính, kinh doanh của Công ty, các khoản dự trù về kinh phí hoạt động, kế hoạch, đề án về hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

- Ngoài các phiên họp làm việc trực tiếp, BKS thường xuyên liên lạc, trao đổi qua mail, điện thoại,.. những thông tin, tài liệu và các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của các kiểm soát viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của BKS.

2. Thù lao năm 2022 của thành viên BKS được thực hiện theo Nghị quyết số 002/NQ-PHT-ĐHĐCT ngày 14/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông, và Nghị quyết số 014/NQ-PHT-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 10/6/2022 v/v duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2022 của CTCP CN Phú Hòa Tân của HDQT.

- Tiền thù lao của thành viên BKS không chuyên trách là 5.000.000 đồng/người/tháng.

- Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách được xây dựng và chi trả theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH và Nghị quyết của Công ty.

- Công ty đã chi trả tiền lương, thù lao BKS năm 2022 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát năm 2022

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung	Thành viên dự họp
01	01-22/BB-BKS-PHT	18/3/2022	Kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu SXKD Quý I/2022. Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.	03/03
02	02-22/BB-BKS-PHT	12/8/2022	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý II và 6 tháng đầu năm 2022 BCTC 6 tháng năm 2022	03/03
03	03-22/BB-BKS-PHT	23/11/2022	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý III và 9 tháng năm 2022	03/03
04	04-22/BB-BKS-PHT	23/03/2023	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý IV, cả năm 2022 BCTC Năm 2022, KH Phân phối lợi nhuận năm 2022.	03/03

4. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Căn cứ theo Nghị quyết số 002/NQ-PHT-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức vượt kế hoạch trong năm 2022, với tỷ lệ 7% tương đương giá trị 6.300.000.000 đồng. Tiền lương và thù lao NQL theo kế hoạch năm 2022 là 3.530.400.000 đồng, tiền lương NQL chuyên trách là 3.110.400.000 đồng, thù lao của NQL không chuyên trách 420.000.000 đồng.

- Công ty triển khai có hiệu quả công tác chống thất thoát nước thất thu, tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2022 là 13,06%, đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính: tổng doanh thu 377,950 tỷ đồng tương đương 99,57% so với hoạch 379,595 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 14,938 tỷ đồng so với kế hoạch 13,2 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 11,793 tỷ đồng. Hoàn thành kế hoạch tài chính về lợi nhuận theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 đề ra.

4.1 Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty đã thực hiện năm 2022 như sau:

(ĐTV triệu đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	344.338	377.950	109,76
2	Tổng chi phí	325.315	363.012	111,59

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ %
3	Lợi nhuận trước thuế	19.023	14.938	78,53%
4	Lợi nhuận sau thuế	14.927	11.793	79%
5	Cổ tức	6%		108,5%

- Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, nhìn chung tình hình kinh doanh trong năm đảm bảo theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra, mặc dù vẫn còn chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi tác động của đại dịch Covid19. Việc trích lập các quỹ đúng theo quy định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động và cổ tức cho cổ đông.

- Năm 2021, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 (Thuyết minh 34 Báo cáo tài chính số 170323.002/BCTC.FIS1) nên dẫn đến việc kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 giảm 21% so với năm trước. Tuy nhiên, các chỉ số tài chính cơ bản trong hoạt động kinh doanh năm 2022 vẫn thể hiện đơn vị hoạt động có hiệu quả, cụ thể:

Về bố trí cơ cấu tài sản: tỷ lệ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản là 60,74%; tỷ lệ Tài sản dài hạn/Tổng tài sản là 39,26%, Công ty xu hướng tăng Tài sản ngắn hạn, giảm tài sản dài hạn, do tăng các khoản tiền gửi kỳ hạn 6-12 tháng.

Về cơ cấu nguồn vốn, Công ty có tỷ lệ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 30,69%. Tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn là 69,31%.

Khả năng thanh toán ngắn hạn >1, ở mức 1,97% và Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu (ROS) là 3,1%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng Ts (ROA) năm 2022 là 5,97%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE) giữ mức 8,62%.

5. Về các hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (Cổ đông nắm giữ 70,39% cổ phần):

- Hợp đồng đào tạo số 4970/HĐ-TCT-TTBD ngày 29 tháng 8 năm 2022, trị giá 9,6 triệu đồng, về việc đào tạo vận hành DMA;

- Hợp đồng đào tạo số 6250/HĐ-TCT-TTBD ngày 20 tháng 10 năm 2022, trị giá 9,6 triệu đồng, về việc đào tạo kỹ thuật vận hành lắp đặt ống ngành, đai khởi thủy tích van hàn ống HDPE;

- Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước số 5583/HĐ-TCT-KHĐT ngày 22 tháng 9 năm 2022 trị giá 1,048 tỷ đồng;

- Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2022 số 2258/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 13 tháng 5 năm 2022, đính kèm Phụ lục hợp đồng số 8162/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc điều chỉnh đơn giá bán nước sạch nêu tại Khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng số 2258/HĐ-TCT-KDDVKH từ 6.336,74 đồng/m³ thành 6.397,72 đồng/m³.

➤ Ban Kiểm soát thống nhất với những nội dung Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ngày 17/03/2023, số



170323.002/BCTC.FIS1, với nhận định: “Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Hòa Tân tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

6. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành

- Công ty tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán, về các Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị nộp theo đúng thời hạn quy định.

- Trong nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát không nhận được đơn khiếu nại của cổ đông hoạt động nhóm cổ đông bằng văn bản về hoạt động sản xuất kinh doanh, việc điều hành của Công ty.

- (HĐQT) thực hiện đúng chức năng quyền và trách nhiệm của mình theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trên nguyên tắc tập trung, dân chủ và đặt lợi ích cao nhất cho cổ đông Công ty. Theo dõi sát tình hình hoạt động Công ty và đã ban hành những nghị quyết kịp thời để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng định hướng của ĐHCĐ.

- Khi có một số việc cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần.

- BDH triển khai Nghị quyết vào từng lĩnh vực cụ thể, đi theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, lợi nhuận đảm bảo thực hiện chi trả cổ tức và bảo toàn vốn cho cổ đông Công ty.

- Chấp hành đúng quy định pháp luật và thực hiện tốt các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chính sách cho người lao động an tâm công tác.

7. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS và HĐQT, BDH

- Trong nhiệm kỳ, BKS luôn nhận được sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi của HĐQT, BDH trong việc cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Định kỳ hàng quý, BKS đều có những lưu ý, ý kiến kiến nghị về tình hình kinh doanh tài chính của Công ty. Những ý kiến của BKS được ghi nhận và triển khai theo quy định.

- Với nhiệm vụ của mình, BKS đánh giá HĐQT, BDH trong nhiệm kỳ qua đã tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác.

8. Đề xuất, kiến nghị:

- Trong thời gian tới, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty cần quan tâm thực hiện xây dựng mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính phù hợp, đồng thời tiếp tục đưa ra những giải pháp mang tính đột phá nhằm nâng cao hiệu quả công tác chống thất thoát nước, cấp nước an toàn, hiệu quả về mặt kinh tế

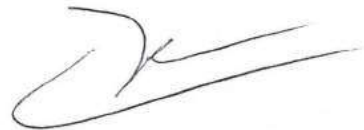
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giám sát chặt chẽ đối với các dự án xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, tài sản, hàng hóa, dịch vụ... các khoản danh mục các chi phí phát sinh tăng, phân loại, đề nghị phân bổ phù hợp theo nhu cầu nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, từ đó, đảm bảo quyền lợi người lao động, cổ tức cho cổ đông.

- Triển khai quyết liệt, tăng cường công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ phải thu khó đòi; cập nhật, hoàn thiện các tài liệu, hồ sơ công nợ với mỗi đối tượng khách hàng, thực hiện việc trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó đòi đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Cấp Nước Phú Hòa Tân, kính đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Đạt

Số: 052 /TTr-PHT-HĐQT

TỜ TRÌNH

**V/v thực hiện quỹ tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2022;
Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2023.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-PHT-HĐQT ngày 12/4/2021;

Hội đồng quản trị báo cáo việc thực hiện tiền lương, thù lao của Người quản lý (HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng) năm 2022 và trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2023 của Người quản lý như sau:

I./ Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao người quản lý năm 2022:

Tổng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022: **3.530.400.000 đồng**. Trong đó:
+ Tiền lương của NQL chuyên trách: 3.110.400.000 đồng
+ Thù lao của NQL không chuyên trách: 420.000.000 đồng

II./ Kế hoạch tiền lương, thù lao người quản lý năm 2023:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và tình hình thực tế tại Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2023, với tổng số tiền: **3.012 triệu đồng**. Trong đó:

1. Tiền lương của người quản lý chuyên trách: như năm 2022. Cụ thể, được thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, với mức tiền lương bình quân chung của Người quản lý chuyên trách là 36 triệu đồng/người/tháng và số người quản lý làm việc theo thời gian thực tế. Theo đó, tổng tiền lương kế hoạch sẽ là 2.592 triệu đồng.

2. Thù lao người quản lý không chuyên trách: Như năm 2022. Cụ thể, mức thù lao bình quân cho NQL không chuyên trách là 5 triệu đồng/người/tháng. Theo đó, quỹ thù lao kế hoạch năm 2022: 5 triệu x 7 người x 12 tháng = 420 triệu đồng.

Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính thực tế, Công ty sẽ quyết toán quỹ lương, thù lao thực hiện theo quy định.

Ngoài ra, các khoản chi phí khác cho hoạt động của HĐQT, BKS sẽ được hạch toán theo thực tế với mức tối đa là 250 triệu đồng/năm.

Trên đây là báo cáo tổng mức tiền lương, thù lao thực hiện 2022 và kế hoạch tiền lương, thù lao 2023 của Người quản lý Công ty, kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua kế hoạch 2023. Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT sẽ thực hiện chi trả đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Tâm



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-PHT-HĐQT ngày 12/4/2021.

Căn cứ văn bản số 08-2023/PHT-BKS ngày 06/3/2022 của Ban Kiểm soát Công ty về việc đề xuất và kiến nghị chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

1. Chấp thuận danh sách đề xuất 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm:
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt;
 - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
 - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
2. Chấp thuận chọn **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC** chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Phú Hòa Tân – đính kèm Dự thảo Hợp đồng;
3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại tại mục (1) nêu trên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023, trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn tại mục (2).

Trân trọng kính trình./


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CƠ PHẦN
CẤP NƯỚC
PHÚ HÒA TÂN
Lê Thị Thanh Tâm

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Kiểm toán Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2023 và
Soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng kỳ kết thúc ngày 30/06/2023 của
Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán; và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410.
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Đại diện là: **Ông Dương Văn Hòa**
Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 84 – 28 - 39.552.650
Mã số thuế: 0304796249

Bên B: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Đại diện là: **Ông Đỗ Mạnh Cường**
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 24 - 38 241 990/1
Fax: 84 - 24 - 38.253 973
Mã số thuế: 0100111105
Tài khoản: VND 0301009689689 - USD 0301370307631
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm

Sau khi thoả thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung Dịch vụ

1.1 Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của Bên A; và
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

- 1.2 Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho các năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Các nội dung nói trên được gọi chung là "Dịch vụ"

Điều 2: Trách nhiệm của Bên A

- 2.1 Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:
 - a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
 - b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
 - c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bỏ trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
- 2.2 Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (*trong phạm vi phù hợp*) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- 2.3 Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
- 2.4 Bên A sẽ không, trực tiếp hay gián tiếp, tuyển dụng bất cứ nhân sự nào của bên B được cử tham gia cung cấp dịch vụ trong thời gian họ đang thực hiện dịch vụ hoặc trong thời gian 12 tháng sau khi họ đã hoàn tất dịch vụ, hoặc sau khi Hợp đồng này đã được chấm dứt mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của bên B. Điều khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc bên A thực hiện các chương trình quảng cáo tuyển dụng tại bất cứ thời điểm nào cũng như không ngăn cản Bên A tuyển dụng bất cứ nhân sự nào của bên B chủ động nộp đơn xin việc theo các chương trình tuyển dụng đó.
- 2.5 Thanh toán đầy đủ phí Dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

Điều 3: Trách nhiệm của Bên B

- 3.1 Trách nhiệm của Bên B với công việc kiểm toán:
 - a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSAs), pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được

thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

- b) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán và soát xét đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các VSAs

3.2 Trách nhiệm của Bên B với công việc soát xét:

- a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.
- b) Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.
- c) Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

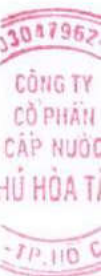
3.3 Trách nhiệm chung của Bên B với công việc kiểm toán và soát xét:

- a) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán và soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán và soát xét.
- b) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo các VSAs và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.
- c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Điều 4: Báo cáo và Hồ sơ kiểm toán

4.1 Sau khi kết thúc Dịch vụ, Bên B sẽ phát hành:

- a) Báo cáo soát xét báo cáo tài chính:
 - Sau khi kết thúc công tác soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 10 bộ Báo cáo soát xét kèm theo báo cáo tài chính đã được soát xét bằng tiếng Việt. Trong đó, Bên B sẽ giữ 02 bộ.



- Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 và quy định pháp lý khác có liên quan.
- b) Báo cáo kiểm toán:
- Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A 10 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt. Trong đó, Bên B sẽ giữ 02 bộ.
 - Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.
- c) Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.
- 4.2 Hồ sơ kiểm toán được lập trong quá trình kiểm toán của Bên B là tài sản của Bên B. Các hồ sơ kiểm toán này thiết lập nên các thông tin mật và thuộc quyền sở hữu của Bên B và sẽ được lưu trữ theo quy định của Luật kiểm toán, thủ tục và chính sách của Bên B theo từng thời kỳ.

Điều 5: Kế hoạch thực hiện kiểm toán

Bên B dự tính lập kế hoạch kiểm toán cho năm tài chính năm 2023 như sau:

	Thời gian dự kiến thực hiện kiểm toán	Thời gian dự kiến phát hành báo cáo
Thực hiện kiểm toán giữa kỳ	Trong tháng 7/2023	Trước ngày 15/08/2023
Thực hiện kiểm toán cuối kỳ	Trong tháng 2/2024	Trước ngày 15/03/2024

Điều 6: Phí Dịch vụ và phương thức thanh toán

- 6.1 Phí Dịch vụ là: **60.000.000 VND** (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng./.)
- 6.2 Phí nêu trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- 6.3 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu các bên thấy cần thiết phải mở rộng phạm vi ngoài phạm vi dịch vụ nêu tại Điều 1 hoặc phát sinh các lý do từ Bên A gây ra làm trì hoãn việc hoàn thành Dịch vụ thì giá phí dịch vụ có thể được điều chỉnh. Trong trường hợp này, hai bên sẽ cùng bàn bạc và bất kỳ sự thay đổi nào về phí dịch vụ đều phải được sự thống nhất bằng văn bản có xác nhận của hai bên.
- 6.4 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo tiến độ như sau:
- a) Tạm ứng 50% giá trị hợp đồng sau khi Hợp đồng này được ký kết;
 - b) Thanh toán 50% giá trị hợp đồng sau khi Bên B nộp cho Bên A bản chính thức các báo cáo Dịch vụ (theo Điều 4)
- 6.5 Phí dịch vụ được thanh toán bằng đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản, thời gian Bên A thanh toán trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn của Bên B. Bên A chịu mọi chi phí có liên quan đến việc thanh toán cho Bên B.

Điều 7: Bảo mật

- 7.1 Trong quá trình cung cấp Dịch vụ, Bên B có thể thu thập các thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh hay các thông tin có liên quan của Bên A, được Bên A hay đại diện của Bên A cung cấp cho Bên B, nhưng không bao gồm các thông tin đã được Bên A hoặc các bên có liên quan công khai một cách hợp lệ ("Thông tin"). Bên B sẽ đảm bảo tuân thủ theo các yêu

cầu của chuẩn mực nghề nghiệp về tính bảo mật và sẽ xử lý Thông tin theo quy định của Chuẩn mực Đạo đức IFAC Mục 140 và Chuẩn mực Đạo đức Việt Nam Mục 140. Tuy nhiên, Bên B được quyền thực hiện theo bất kỳ yêu cầu nào của pháp luật, của cơ quan quản lý của mình hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào mà Bên B phải tuân thủ, yêu cầu cung cấp Thông tin. Trước khi cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền, Bên B sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Bên A trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi Bên B nhận được yêu cầu cung cấp thông tin.

- 7.2 Bên B có thể sử dụng phương tiện điện tử để trao đổi hoặc truyền tải thông tin và việc sử dụng này không bị coi là vi phạm các nghĩa vụ bảo mật. Hai Bên chấp nhận những rủi ro tiềm tàng bao gồm các rủi ro an ninh mạng do bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp vào các thông tin này, các rủi ro do bị sửa đổi làm sai lệch nội dung thông tin liên lạc và các rủi ro do bị vi rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác. Do đó, hai Bên phải kiểm tra vi rút tất cả thông tin liên lạc với Bên kia.

Điều 8: Thâu phụ

Bên B không được phép sử dụng thâu phụ để thực hiện toàn bộ hoặc một phần của Dịch vụ cung cấp cho Bên A theo Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 9: Bất khả kháng

- 9.1 Nếu một bên khi thực hiện hợp đồng này bị ngăn cản hay hạn chế bởi các lý do bất khả kháng như hỏa hoạn, bão lũ, động đất, chiến tranh, tranh chấp lao động, luật, chỉ thị hoặc hướng dẫn của bất cứ Chính phủ nào có liên quan đến Hợp đồng này, hay bất cứ đạo luật hoặc điều kiện khác vượt quá sự kiểm soát hợp lý của Bên đó, thì Bên đó được miễn trách nhiệm cho việc thực hiện của mình đối với phần việc ảnh hưởng, nhưng Bên đó sẽ sử dụng mọi khả năng tốt nhất của mình để tránh hay làm mất đi các nguyên nhân của việc không thực hiện và khắc phục, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng một cách nhanh nhất.
- 9.2 Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày gặp sự kiện bất khả kháng. Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng vi phạm quy định này thì sẽ không được miễn trách nhiệm.

Điều 10: Giới hạn trách nhiệm và bồi thường

- 10.1 **Giới hạn:** Bên A đồng ý rằng trách nhiệm cao nhất của Bên B đối với bất kỳ khoản tổn thất hay thiệt hại nào mà Bên A phải gánh chịu (dù trực tiếp, gián tiếp, hay hậu quả) có liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm (nhưng không giới hạn) ở sự bất cẩn hoặc bỏ sót hoặc trình bày sai của Bên B, sẽ chỉ giới hạn trong khoản phí dịch vụ mà Bên B đã nhận được, và Bên A đồng ý miễn trừ trách nhiệm cho Bên B về tất cả các vụ kiện phát sinh có liên quan đến Dịch vụ mà trách nhiệm của Bên B đối với các vụ kiện này có thể vượt quá số tiền phí dịch vụ.
- 10.2 **Miễn trách nhiệm:** Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ không chịu trách nhiệm hay không có nghĩa vụ đối với Bên A về bất cứ tổn thất, chi phí, thiệt hại nào nếu các thông tin tài liệu cho Dịch vụ được thực hiện trong Hợp đồng này bị Bên A và các bên khác cung cấp bị thiếu, từ chối, che đậy hoặc cung cấp thông tin không đúng hay không chính xác, hoặc giải trình sai cho Bên B.

Điều 11: Chấm dứt Hợp đồng

- 11.1 Hợp đồng được tự động chấm dứt khi Bên B hoàn thành các sản phẩm Dịch vụ đã quy định ở Điều 4 của Hợp đồng.
- 11.2 Bên A, hoặc Bên B có thể hủy bỏ Hợp đồng tại bất kỳ thời điểm nào bằng việc thông báo bằng văn bản trước 30 ngày tới bên kia nếu mỗi bên xác định hợp lý rằng bên kia không còn có thể cung cấp dịch vụ theo đúng pháp luật hiện hành hoặc nghĩa vụ chuyên môn.
- 11.3 Nếu Bên A hủy Hợp đồng này với bất kỳ lý do hợp lý gì (như đã đề cập ở "11.2") trước khi Bên B cung cấp sản phẩm dịch vụ đã quy định ở Điều 4 của Hợp đồng, Bên B sẽ phát hành hóa đơn yêu cầu Bên A thanh toán phí cho khoảng thời gian thực tế phát sinh do thực hiện hợp đồng cho đến ngày hợp đồng bị hủy theo biên bản nghiệm thu công việc được hai bên thống nhất.

- 11.4 Nếu Bên A hủy Hợp đồng này với bất kỳ lý do hợp lý gì (như đã đề cập ở "10.2") sau khi Bên B đã cung cấp sản phẩm dịch vụ theo quy định ở Điều 4 của Hợp đồng, Bên B sẽ phát hành hóa đơn và yêu cầu Bên A thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng như đã nêu ở Điều 5 của Hợp đồng này.

Điều 12: Luật điều chỉnh và Giải quyết tranh chấp

- 12.1 Hợp đồng này và bất kỳ nghĩa vụ ngoài hợp đồng phát sinh từ Hợp đồng này hoặc các dịch vụ sẽ được quản lý và giải thích theo luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 12.2 Nếu tại bất cứ thời điểm nào Bên A muốn thảo luận với Bên B về việc cải thiện cách thức thực hiện Dịch vụ hoặc nếu Bên A phàn nàn về Dịch vụ được cung cấp, thì tùy theo từng trường hợp, Bên A có thể gọi điện thoại trực tiếp tới đại diện ký hợp đồng của Bên B như được nêu trong Hợp đồng này. Bên B sẽ xem xét các vấn đề đó ngay và làm mọi việc trong khả năng tốt nhất có thể để giải quyết những vướng mắc đó.
- 12.3 Nếu vấn đề đã nêu ở (12.2) không thể giải quyết được, hoặc phát sinh tranh chấp liên quan đến Dịch vụ hoặc Hợp đồng này, các bên sẽ cố gắng, trong khoảng thời gian 30 ngày sau ngày nhận được thông báo của bên kia về việc có tranh chấp, để giải quyết tranh chấp bằng việc thảo luận giữa 2 bên. Bất kỳ tranh chấp nào không thể giải quyết trong thời gian đó sẽ được giải quyết thông qua Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo các quy tắc của VIAC (trong thời gian có hiệu lực). Kết quả của Trọng tài sẽ có hiệu lực đối với các bên. Ngôn ngữ của trọng tài là tiếng Việt và địa điểm trọng tài sẽ ở Việt Nam. Bên nào thua kiện sẽ chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến quá trình khiếu kiện

Điều 13: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng

- 13.1 Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực từ ngày có đủ chữ ký và đóng dấu của cả hai bên, mỗi bên giữ 02 bản.
- 13.2 Hợp đồng tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi Bên.

Đại diện Bên A
Giám đốc

Đại diện Bên B
Phó Tổng Giám đốc

DƯƠNG VĂN HÒA

ĐỖ MẠNH CƯỜNG

TỜ TRÌNH

V/v Chấp thuận dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023, Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (Công ty mẹ).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định đối với các Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Căn cứ Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023, Bản thỏa thuận giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (Công ty mẹ).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

1. Chấp thuận Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và Bản thỏa thuận giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – đính kèm Dự thảo Hợp đồng và Bản thỏa thuận.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trong trường hợp có sự thay đổi về các điều khoản trong Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận nêu trên.
3. Sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị (trên cơ sở lấy ý kiến của cổ đông/ thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan), giao cho Giám đốc Công ty ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
4. Thời gian ủy quyền: cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK



Lê Thị Thanh Tâm

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2023

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HD-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2023 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân.

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2023, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông: **Đặng Đức Hiền**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 74/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN (*Bên mua*)

Trụ sở chính : 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 558 410

Fax: (84.8) 39 555 282

Tài khoản số : 6220201686868 tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chợ Lớn

Mã số thuế : 0304796249

Do Ông : **Dương Văn Hòa**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

- 1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.
 - 1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.
 - 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.
 - 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
 - 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
 - 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
 - 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **2.500.000 m³** (hai triệu năm trăm ngàn mét khối).
- Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

- 2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:
 - 2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác

định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được

nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại Khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **6.397,72 đồng/m³**.
- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán.

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán si nước sạch như sau:
 - 5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 50% (năm mươi phần trăm) số tiền mua bán si nước sạch cho Bên A.
 - 5.1.2 Tối đa sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
 - 5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
 - Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
 - Bảng kết quả kiểm nghiệm.
 - Hóa đơn bán si.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

- 6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
 - 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
 - 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
 - 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
- 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
 - 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau

đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
- 7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).

196
NG T
PH
IP N
J HỒ
- TP.

7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:

- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
- Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.

8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023.

9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.



- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
 - 10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
 - 10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
 - 10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.
- Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2023

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
và Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2023, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Đặng Đức Hiền**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 74/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN:

Ông: **Dương Văn Hòa**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 sẽ thực hiện việc mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán si hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và

đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán si nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục).
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán si :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán si được xác định:

$$Q = \sum_i^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán si.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

- + **Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.**

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

- + **Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).**

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

- + **Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).**

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

- + **Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết**

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

- + **Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:**

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

- + **Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:**

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường *so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ*. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thể để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.



Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ, 02 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 như sau:

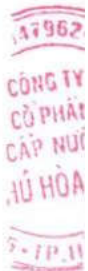
$GBS_{2023} = GBS \text{ tính lại } 2022 * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân})$

Trong đó:

- *GBS tính lại 2022* : là đơn giá mua bán si cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B tính lại năm 2022 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2022 so với năm 2021. Cụ thể là **6.397,72 đồng/m³**.

% Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân: là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2023 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2022.

2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2023 sẽ được tính theo 02 đơn giá như sau:



- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục đính kèm) là **6.397,72 đồng/m³**.
 - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

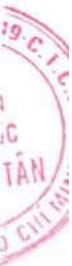
- Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A như sau:
 - + Thanh toán 50% số tiền mua bán vào ngày 05 của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán.
 - + Thanh toán hết số tiền còn lại sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán lần đầu.
- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- Thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch, hai bên sẽ tiếp tục rà soát các khách hàng sử dụng nước khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN

**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
-TNHH MTV**



(Đính kèm Bản thỏa thuận về hợp đồng mua bán si nước sạch ngày / /2023)

PHỤ LỤC DANH SÁCH CÁC ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	pt1001 10M345B	Vong xoay Dan chu
2	pt1002	3/2 - Cao Thang 1
3	pt1003	3/2 - Cao Thang 2
4	pt1004	3/2 - Tran Minh Quyen
5	pt1005	3/2 - Le Hong Phong noi dai
6	pt1006	3/2 - Nguyen Tri Phuong 1
7	pt1007	3/2 - Nguyen Tri Phuong 2
8	pt1009	3/2 - Nguyen Lam
9	pt1010	3/2 - Ly Thuong Kiet
10	pt1011	3/2 - Le Dai Hanh 1
11	pt1014	Góc trung hoc Phu Tho
12	pt1015	3/2 Ta Uyen
13	pt1018	3/2 - Le Hong Phong 2
14	pt1019	Vong xoay cay go

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
15	pt2005	DBP - Cao Thang
16	pt2017	Ly Thuong Kiet - Thien Phuoc
17	pt2018	Au Co - Le Dai Hanh - Nguyen Thi Nho (04-07)
18	pt2027	Khuon Viet - Au Co
19	pt2030	Au Co - Le Dai Hanh
20	pt2032	Au Co - Le Nga
21	cl2011	Tran Nhan Ton - Hung Vuong 1 (123 Hung Vuong
22	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)

3. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet) của Công ty TNHH Nước ngầm Sài Gòn

STT	Mã vị trí	Vị trí
23	pt4002	Dong ho so 7- Tan Hoa - Lac Long Quan
24	pt4006	Dong ho so 5 (Tan Hoa - Hong Bang)